

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản số: 33/2018/HSST

Ngày 14 tháng 9 năm 2018

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hưng- Giáo viên trường trung học cơ sở xã Như Thụy và bà Nguyễn Thị Hiền- Cán bộ phụ nữ xã Tân Lập

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung- Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường- Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 27/2018/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 03/01/2001 tại: thôn L, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2018. Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn H, sinh năm 1972- là bố bị cáo

Nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T: Bà Kim Hồng T, sinh năm 1982- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Người bị hại: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1956, (có mặt)

Nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ ngày 31/3/2018 đến ngày 09/4/2018, Trần Văn T có hành vi hai lần trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Xuân Tở cùng thôn, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 08 giờ 30 ngày 31/3/2018, T đến nhà ông T chơi, thấy không có ai ở nhà, các cửa đều mở, biết nhà ông T thường để chìa khóa tủ bích phê ở trong chiếc túi xách treo trên chiếc sào mắc quần áo nên T nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản. T vào lục túi xách lấy chìa khóa mở cánh tủ bích phê bên trái (theo hướng từ ngoài cửa nhìn vào) lấy trộm 2.000.000đ trong tổng số 22.000.000đ được đúc trong túi ni lông đen. Sau khi trộm cắp, T cất số tiền 20.000.000đ vào vị trí cũ, khóa tủ, cất chìa khóa vào túi xách, đi về nhà và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 09/4/2018, T đến nhà ông T để hỏi về việc mất tín hiệu đường truyền Internet (nhà T dùng chung đường truyền Internet với nhà ông T), thấy nhà ông T mở cửa, không ai ở nhà, nên T lại nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản. T lấy chìa khóa mở cánh tủ bích phê trên, lấy trộm 20.000.000đ còn lại đúc trong túi ni lông màu đen, khi về nhà T vứt bỏ túi ni lông, tiêu xài cá nhân hết 4.000.000đ, còn lại số tiền 16.000.000đ đã tự nguyện giao nộp cơ quan điều tra.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án thu giữ:

Số tiền 22.000.000đ (trong đó có 6.000.000đ do ông Trần Văn H là bố đẻ T tự nguyện giao nộp). Cơ quan điều tra đã trả lại ông Nguyễn Xuân T số tiền 22.000.000đ, ông T đã nhận đủ và không đề nghị gì.

Đối với chiếc túi ni lông màu đen đựng tiền Tuấn vứt bỏ, cơ quan điều tra truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị cáo T là ông Trần Văn H đã tự nguyện nộp số tiền 22.000.000đ. Cơ quan điều tra đã trả lại ông Nguyễn Xuân T số tiền 22.000.000đ, ông T đã nhận đủ và không đề nghị gì. Ông H cũng không yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho ông. Do đó về trách nhiệm dân sự của vụ án không đặt ra để giải quyết.

Bản cáo trạng số: 28/CTVKs ngày 18 tháng 7 năm 2018 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với bị cáo Trần Văn T. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b,r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T 10 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng đến 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và người được hưởng án treo nếu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xác nhận cơ quan điều tra Công an huyện Sông Lô đã trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 22.000.000đ.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến bổ sung gì về các nội dung bị cáo đã trình bày và phát biểu tranh luận xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn ăn năn hối lỗi, phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình đã bồi thường cho người bị hại, người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức còn hạn chế, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Tuấn được hưởng mức án thấp nhất và được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Xuất phát từ mục đích tư lợi để có tiền tiêu xài cá nhân nên Trần Văn T đã 02 lần trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Xuân T tại nhà ở thôn L, xã N, huyện S, Vĩnh Phúc, cụ thể: Khoảng 08 giờ 30 ngày 31/3/2018 T trộm cắp số tiền 2.000.000đ trong ngăn tủ bích phê bên trái (từ ngoài sân nhìn vào). Khoảng 09 giờ ngày 09/4/2018 T tiếp tục trộm cắp số tiền 20.000.000đ trong ngăn tủ này. Tổng số tiền Trần Văn T trộm cắp là 22.000.000đ.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập theo trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hành vi lén lút của bị cáo Trần Văn T chiếm đoạt tài sản của Ông Nguyễn Xuân T tại thôn L, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc số tiền 22.000.000đ vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 31/3/2018 và khoảng 09 giờ ngày 09/4/2018 đã cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*.

Do đó bản cáo trạng số: 28/CTVKS ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo còn trẻ không chịu tu dưỡng rèn luyện, ham chơi đua đòi để có tiền tiêu sài cá nhân đã trộm cắp tài sản thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Đối chiếu với yêu cầu phòng chống tội phạm ở địa phương cần xử phạt bị cáo nghiêm minh tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe những kẻ khác góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết xem xét giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng, bị cáo không có tài sản nhưng gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo tự thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm b,r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này bị cáo Tuấn phạm tội khi mới 17 tuổi 02 tháng 28 ngày. Do đó, Hội đồng xét xử còn áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội khi quyết định hình phạt đối với bị cáo quy định tại Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, hành vi phạm tội của bị cáo chưa đến mức phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù với mức án tương xứng với hành vi phạm tội và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được cải tạo tại địa phương, ấn định thời gian thử thách cho bị cáo cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi. Nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T số tiền 22.000.000đ ông T đã nhận đủ. Tại phiên tòa ông không đề nghị gì. Ông H cũng không yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho ông. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b,r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và người được hưởng án treo nếu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản

1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện cho bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xét xử phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô;
- Chi cục Thi hành án huyện Sông Lô;
- Công an huyện Sông Lô;
- Ủy ban nhân dân xã Nhân Đạo ;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại ;
- Người đại diện cho bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ, án văn..

Trần Thị Huệ